

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

---



**KINH TẾ CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ**

**Tên đề tài:**

**CUỘC KHỦNG HOẢNG NỢ KHU VỰC MỸ LA TINH  
NHỮNG NĂM 1980**

*cuu duong than cong. com*

**Giảng viên: Nguyễn Thùy Anh**

Hà Nội, năm 2018

*cuu duong than cong. com*

## MỤC LỤC

|                                                                     |   |
|---------------------------------------------------------------------|---|
| I. Nguyên nhân và diễn biến sơ lược                                 | 1 |
| II. Giải pháp đối phó cuộc khủng hoảng ở một số nước châu Mỹ Latinh |   |
| 1. Giải pháp cho vấn đề nợ công                                     | 3 |
| 2. Cân bằng ngân sách                                               | 5 |
| IV. Kết luận                                                        | 5 |

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

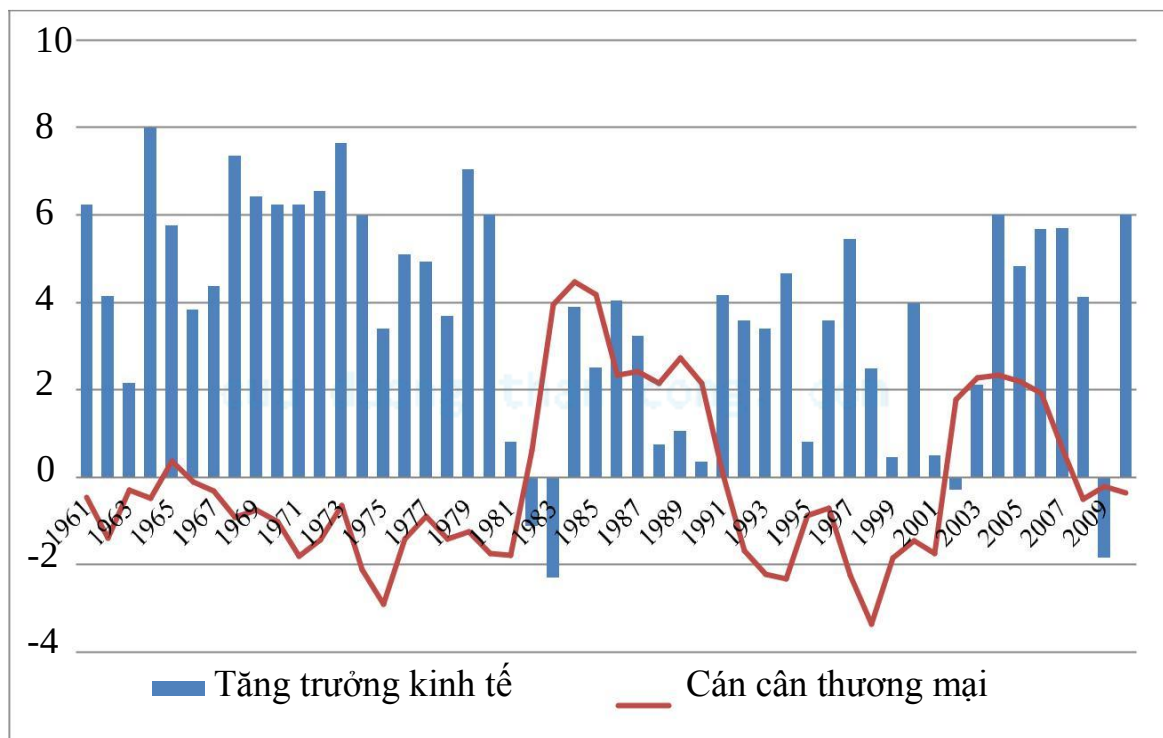
## I. Nguyên nhân và diễn biến sơ lược

Cuộc khủng hoảng nợ cuối thập niên 70 và trong thập niên 80 ở các quốc gia Mỹ Latinh được xem là thảm họa lớn nhất trong lịch sử khu vực này kể từ sau cuộc Đại khủng hoảng những năm 1930s. Cơn bão khủng hoảng bắt đầu từ Mexico vào năm 1982 khi quốc gia này tuyên bố vỡ nợ, sau đó hầu hết các quốc gia khác trong khu vực cũng đều không tránh khỏi cuốn vào vòng xoáy này. Rất nhiều các cuộc khủng hoảng nợ khác nhau có thể kể đến như Argentina (1982, 1989), Bolivia (1980, 1986, 1989), Brazil (1983, 1986-1987), hay Ecuador (1982, 1984).

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng nợ tại Mỹ Latinh trong thời gian này. Đầu tiên, việc đầu tư quá nhiều vào các cơ sở hạ tầng nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa dẫn đến việc chính phủ bội chi một cách trầm trọng. Bên cạnh đó, để thực hiện được mục tiêu công nghiệp hóa của mình, các quốc gia này phải nhập khẩu nhiều nguyên vật liệu cũng như công nghệ sản xuất từ nước ngoài, làm cho tỉ lệ nhập siêu ngày càng tăng. Hai điều này dẫn đến một nhu cầu lớn về nguồn vốn của chính phủ, và họ đã thực hiện việc đi vay từ các quốc gia phát triển khác và các tổ chức tài chính quốc tế.

Nhìn vào Hình 1, có thể thấy rõ ràng rằng khoảng thời gian hai thập kỷ bắt đầu từ đầu những năm 1960s áp dụng mô hình công nghiệp hóa, mặc dù thường xuyên tồn tại thâm hụt thương mại nhưng nhìn chung tăng trưởng trong thời gian này vẫn ở mức cao, trung bình vào khoảng 5% mỗi năm. Tuy nhiên bắt đầu vào khoảng cuối thập niên 70 cho đến giữa thập niên 80, tăng trưởng kinh tế bắt đầu suy giảm, thậm chí tăng trưởng âm. Và mặc dù trong thập niên 80 này tồn tại thặng dư thương mại, nhưng tăng trưởng kinh tế dù có phục hồi vẫn không thể quay lại so với mức trong hai thập niên trước đó.

**Hình 1: Tăng trưởng GDP và cán cân thương mại tại Mỹ Latinh 1961-2010 (%)**



Nguồn: World Bank Database

Tăng trưởng kinh tế khu vực trong thời gian này cũng phụ thuộc nhiều vào mức đầu tư từ nước ngoài. Kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa thập niên, tỉ lệ đầu tư chỉ dao động khoảng 20% GDP, đã tăng lên xấp xỉ 25% trong giai đoạn 1975-1980. Ngay sau đó, bước sang thập niên 80 là khoảng thời gian bắt đầu xảy ra khủng hoảng toàn khu vực, tỉ lệ đầu tư giảm mạnh xuống còn gần 19% trong thập niên 90 và tiếp tục giảm xuống chỉ còn khoảng 18% trong thập niên tiếp theo (Bảng 2). Điều này càng chứng tỏ sự nhảy vọt của vốn vay nước ngoài trong khoảng thời gian diễn ra cuộc khủng hoảng nợ ở khu vực này.

**Bảng 2: Tổng vốn đầu tư các quốc gia lớn, các quốc gia nhỏ và Mỹ Latinh qua nhiều giai đoạn (% GDP)**

| Tổng vốn đầu tư (% GDP)    |         |         |         |         |         |         |         |         |         |
|----------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
|                            | 1950-57 | 1958-67 | 1968-74 | 1975-80 | 1981-90 | 1991-97 | 1998-03 | 2004-08 | 2008-10 |
| <b>Trung bình cộng</b>     |         |         |         |         |         |         |         |         |         |
| Các quốc gia lớn           | 23,9    | 20,1    | 21,6    | 24,3    | 19,1    | 19,6    | 18,3    | 21,5    | 23,3    |
| Các quốc gia nhỏ           | 14,2    | 15,7    | 18,1    | 21,5    | 17,0    | 19,2    | 20,0    | 19,8    | 19,1    |
| Mỹ Latinh                  | 19,1    | 17,6    | 19,5    | 22,6    | 17,8    | 19,4    | 19,4    | 20,5    | 20,8    |
| <b>Trung bình trọng số</b> |         |         |         |         |         |         |         |         |         |
| Các quốc gia lớn           | 21,0    | 19,5    | 22,2    | 25,1    | 18,9    | 18,2    | 18,0    | 19,9    | 20,9    |
| Các quốc gia nhỏ           | 15,8    | 16,8    | 17,7    | 22,2    | 16,9    | 18,6    | 19,3    | 19,1    | 18,7    |
| Mỹ Latinh                  | 20,7    | 19,1    | 21,9    | 24,9    | 18,8    | 18,2    | 18,1    | 19,8    | 20,7    |

Mô hình công nghiệp hóa dưới sự dẫn dắt của nhà nước đồng thời cũng mang đến nhiều khó khăn liên quan đến chính sách tài khóa ở các quốc gia này. FitzGerald (1978) đã diễn giải điều này qua ba xu hướng: (i) sự gia tăng nhu cầu chi tiêu của chính phủ, trong khi phần trăm chi tiêu cho các chương trình phúc lợi xã hội lại có xu hướng giảm; (ii) sự chuyển dịch của cơ cấu thuế từ thuế tài sản và thu nhập sang các loại thuế gián tiếp; (iii) sự gia tăng nhu cầu vay vốn nước ngoài nhằm hỗ trợ khu vực tư nhân.

Không thể duy trì được sự ổn định kinh tế, trong khi giá trị các khoản nợ lại gia tăng mạnh, những điều này làm cho rủi ro nợ nước ngoài của khu vực Mỹ Latinh trở nên vượt quá khỏi tầm kiểm soát. Việc Mexico tuyên bố vỡ nợ đã đánh một hồi chuông cảnh tỉnh đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính quốc tế, học lập tức siết chặt và trì hoãn vô thời hạn đối với các khoản vay đến khu vực Mỹ Latinh. Do phần lớn các khoản nợ đều trong ngắn hạn, việc không được bơm tiếp tín dụng làm cho các quốc gia này nhanh chóng bị cuốn vào vòng xoáy, dẫn đến một cuộc khủng hoảng dây chuyền.

## II. Giải pháp đối phó với cuộc khủng hoảng ở một số nước châu Mỹ La tinh

## 1. Giải pháp cho vấn đề nợ công

Cuộc khủng hoảng nợ tại Châu Mỹ Latinh có thể được chia làm 3 giai đoạn

- **Giai đoạn 1:** Từ trước khi diễn ra khủng hoảng đến năm 1985
  - Nhiều thay đổi vĩ mô đã đc thực hiện với việc các nhà kinh tế và hoạch định chính sách dự đoán rằng cuộc khủng hoảng sẽ diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn, cuộc khủng hoảng sẽ kết thúc ngay sau khi các nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi (họ cho rằng đây là một cuộc khủng hoảng thanh khoản hơn là một cuộc khủng hoảng trong khả năng thanh toán)
  - Tại một số quốc gia, chính phủ thể hiện lập trường cứng rắn của mình trong việc đối phó với cuộc khủng hoảng nợ, như trường hợp thủ tướng Alan Garcisa đưa ra quyết định giới hạn sự vay nợ của Peru dưới mức 10% doanh thu từ xuất khẩu. Bên cạnh đó là những cố gắng thành lập một liên hiệp giữa những chủ nợ của khu vực này. Bên cạnh đó là cố gắng thành lập một liên hiệp giữa những chủ nợ của những khu vực này. Tuy nhiên dù đã cố gắng nhưng khu vực này vẫn chưa có sự đồng thuận thống nhất trong khu vực, nhiều quốc gia muốn tự mình giải quyết các khoản nợ của mình.
- **Giai đoạn 2:** Bắt đầu từ tháng 9/1985:
  - Khởi xướng kế hoạch Baker lần thứ nhất tại Seoul nhằm đưa ra được những điều chỉnh trong việc tạo ra những điều luật cho vay hiệu quả hơn cùng với một gói tín dụng đi kèm với nó. Gói cứu trợ này vào thời điểm đó vẫn chưa đủ giải quyết hoàn toàn cuộc khủng hoảng, và hai năm tiếp theo, được thay thế bằng kế hoạch Baker lần thứ 2, đổi mới trong việc tạo điều kiện cho các hoạt động mua lại hoặc trao đổi nợ và cho phép phát hành trái phiếu với lãi suất thấp
- **Giai đoạn 3:** Bắt đầu vào tháng 3/1989 (gần 7 năm sau kể từ ngày bắt đầu khủng hoảng)
  - Kế hoạch Brady, bao gồm việc giảm bớt cán cân nợ, đi kèm với việc tạo điều kiện cho khu vực Mỹ latinh được vay mượn từ các nguồn tài chính tư nhân quốc tế. đây là giai đoạn cuối cùng của khủng hoảng và các quốc gia Mỹ latinh cũng dần đi vào phục hồi kinh tế.

Đứng trước tình thế “nước sôi lửa bỏng”, các nước khu vực Mỹ Latinh đã buộc phải tìm ra các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của nợ xấu đối với sự sống còn của nền kinh tế. Chẳng hạn, Ngân hàng Trung ương (NHTW) Chile có chính sách tạm thời mua lại các khoản nợ xấu bằng tiền mặt để các ngân hàng đáp ứng thanh khoản. NHTW cho các ngân hàng vay với mức lãi suất ưu đãi, thậm chí không áp dụng lãi suất. Trong khi đó, Mexico thực hiện thành lập FOBAPROA nhằm bán lại tài sản của các ngân hàng được can thiệp nhằm khôi phục tối đa giá trị của tài sản và bảo vệ người gửi tiền. Quyền hạn chính của cơ quan này là thực hiện mua lại các khoản nợ xấu thông qua việc phát hành trái phiếu không lãi suất và thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt. Tổ chức này chủ yếu thực hiện chương trình đặc biệt về tái cơ cấu nợ cho các bên vay gồm giảm lãi suất, xóa nợ một phần, hỗ trợ cấp vốn lưu động mới và gia hạn nợ.

Tại Argentina, một chương trình cơ cấu lại nợ được đưa ra và thực hiện đối với người vay trong nước, trong khi phần lớn các khoản nợ là nợ nước ngoài. Đồng thời, bên cạnh đó NHTW cũng áp dụng chương trình tái cấp vốn nhằm tăng vốn cho các ngân hàng. Việc tăng vốn được thực hiện theo nguyên tắc những cổ phiếu mới phát hành được cung cấp cho cổ đông hiện hữu và sau đó là các nhà đầu tư, số cổ phần còn lại được Chính phủ mua nhưng không vượt quá 49% tổng số cổ phiếu được phát hành. Đóng cửa các tổ chức tài chính không có khả năng đề phục hồi. Trong cuộc khủng hoảng này, Chile đã thực hiện đóng cửa 8 trong tổng số 43 ngân hàng từ năm 1982 đến 1986. Ngoài ra, Chính phủ Mexico thực hiện quốc hữu hóa thông qua việc mua lại quyền kiểm soát hơn 12 ngân hàng và cố gắng tìm tổ chức mua lại tài sản xấu.

### **Argentina thông qua Luật Chuyển đổi Tỷ giá hối đoái (1991)**

Luật này đưa ra một mức tỷ giá hối đoái cố định: một peso đổi được một đô la Mỹ. Ngân hàng trung ương Argentina được yêu cầu duy trì đủ số lượng đồng đô la Mỹ để đảm bảo cho tỷ giá hối đoái này. Do đó, ngân hàng trung ương chỉ phát hành thêm tiền peso khi họ có được số tiền đô la Mỹ cần thiết để hỗ trợ tỷ giá hối đoái này.

Chính phủ Argentina cho rằng tỷ giá hối đoái cố định này sẽ tạo ra một cam kết đáng tin cậy đối với việc đạt được tỷ lệ lạm phát thấp, tỷ lệ lạm phát thấp này sẽ làm tan vỡ các dự kiến cho rằng Argentina sẽ tiếp tục có tỷ lệ lạm phát cao.

=> Kết quả : biện pháp này khá thành công; đến năm 1994, tỷ lệ lạm phát đã giảm xuống mức 4 % và được duy trì ở mức khá thấp trong suốt thập kỷ đó.

Tuy nhiên, Luật Chuyển đổi Tỷ giá hối đoái tỏ ra ít phù hợp hơn đối với môi trường quốc tế đầy thách thức mà Argentina phải đối mặt trong giai đoạn cuối thập kỷ đó. Khi đồng đô la Mỹ tăng giá vào cuối những năm 1990, đồng peso cũng lên giá theo, mức giá gia tăng khiến các mặt hàng xuất khẩu của Argentina bị đẩy ra khỏi các thị trường nước ngoài. Sức cạnh tranh của nước này lại tiếp tục bị suy giảm khi Brazil phá giá đồng real vào cuối năm 1998. Đồng peso được định giá cao hơn giá trị thực, cộng với các mức lãi suất gia tăng trên thế giới, đã đẩy Argentina rơi vào vòng suy thoái trong năm 1998.

### **2. Cân bằng ngân sách**

Việc mở rộng nguồn cung tài chính sẽ buộc chính phủ phải vay mượn thêm, khiến gia tăng những ngờ vực về khả năng chính phủ có thể hoàn trả các khoản vay nợ. Việc vay mượn sẽ làm tăng lãi suất, do đó làm giảm hoạt động kinh tế. Vì thế, việc mở rộng nguồn cung tài chính không thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thay vào đó, chính phủ Argentina đã cố gắng cân bằng ngân sách, và hy vọng là biện pháp đó sẽ cắt giảm lãi suất và nhen nhóm sức tăng trưởng mới.

**Khó khăn:** Chính trị trong nước ngăn cản việc thực hiện cắt giảm chi tiêu lớn, và các nguồn thu giảm do điều kiện kinh tế suy thoái, do đó làm gia tăng các khoản cắt giảm cần thiết nhằm cân đối ngân sách. Sự tháo chạy của đồng đô la Mỹ đã nhanh chóng làm

cạn kiệt quỹ dự trữ ngoại tệ của Argentina – gần 40 % nguồn dự trữ ngoại tệ của nước này đã biến mất trong bảy tháng đầu năm 2001 (Eichengreen 2001, 11). Việc các dòng vốn đô la Mỹ chảy ra nước ngoài khiến cho chi phí duy trì tỷ giá hối đoái cố định của Argentina trở nên đắt đỏ, bởi vì chính phủ phải thu hẹp nguồn cung tiền, và việc thu hẹp nguồn cung tiền lại tạo ra sức ép suy thoái mạnh mẽ đối với nền kinh tế của nước này.

Argentina đã tìm kiếm sự giúp đỡ của Quỹ Tiền tệ Quốc tế. Quỹ Tiền tệ Quốc tế đáp lại bằng cách đề xuất hỗ trợ để đổi lấy việc chính phủ Argentina cam kết thực hiện củng cố tài chính một cách có ý nghĩa. Khi chính phủ Argentina tỏ ra không mong muốn hoặc không đủ khả năng bình ổn vị thế kinh tế của mình, Quỹ Tiền tệ Quốc tế đã cắt bỏ khả năng nước này có thể tiếp cận được với các khoản tín dụng trong tháng 12 năm 2001. Vì không thể thu hút thêm các nguồn vốn tư nhân và không thể vay từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế, chính phủ Argentina đã không thể chi trả 155 tỷ đô la Mỹ tiền trái phiếu chính phủ.

#### **IV. KẾT LUẬN**

Nếu suy ngẫm kỹ, dường như hai thay đổi chính sách nhẽ ra đã có thể ngăn chặn được cuộc khủng hoảng này. Trước tiên, chính phủ nhẽ ra đã có thể thay đổi các sắp đặt về tỷ giá hối đoái của mình trong giai đoạn cuối những năm 1990 sau khi tỷ lệ lạm phát đã giảm xuống. Việc đưa ra một tỷ giá hối đoái có tính chất linh hoạt hơn sẽ giúp khôi phục các hoạt động xuất khẩu, và điều này nhẽ ra đã có thể tiếp thêm sức mạnh hồi phục cho nền kinh tế Argentina.

Tiếp đến, nhẽ ra chính phủ Argentina đã có thể củng cố lại vị thế tài chính của mình trong giai đoạn những năm 1990. Chính phủ nước này nhẽ ra đã có thể sử dụng chính sách tài chính khi cuộc suy thoái xuất hiện. Chính trị trong nước đã ngăn cản việc thực hiện cả hai thay đổi chính sách này. Luật Chuyển đổi Tỷ giá hối đoái lúc đó đã có tiếng vang; mọi người đã chứng kiến việc Luật này cắt giảm tỷ lệ lạm phát và khôi phục niềm tin vào đồng peso. Vì thế việc thay đổi luật này đã đi ngược lại dư luận công chúng. Việc củng cố vị thế tài chính bị hạn chế do có sự phản đối chính trị đối với các cắt giảm chi tiêu cần thiết.

Như chúng ta đã thấy trong cuộc khủng hoảng châu Mỹ La tinh, nhiều lợi ích kinh tế thu được từ cải cách đã chuyển sang tay các bên cho vay nước ngoài. Chính phủ các nước, cũng như các nhóm lợi ích có quyền lực, đã nhận ra động lực này. Kết quả là, hầu như không mấy ai muốn chấp nhận các chi phí kinh tế và sự phá hoại xã hội xuất phát từ việc thực hiện cải cách kinh tế cơ bản cần để quay trở lại một nền tảng ổn định.